

Số: 58 /2013/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 10 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xây dựng về xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị;

Căn cứ Nghị định số 23/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở;

Căn cứ Nghị định số 26/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng, tại Tờ trình số 9296/TTr-SXD-TTr ngày 04 tháng 11 năm 2013 và Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 4073/BC-STP ngày 16 tháng 10 năm 2013;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở - ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng, Bộ Tư pháp;
- Thanh tra Chính phủ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- Các Ban của Thành ủy;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam và các Đoàn thể Thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam quận - huyện;
- Trung tâm Công báo TP;
- Cơ quan Báo đài;
- VPUB: các PVP, các Phòng CV, PCNC;
- Lưu: VT, (PCNC-TN+HSXL) D. 157

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Tín

QUY CHẾ

Phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 52 /2013/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này xác định nhiệm vụ của Thanh tra Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong công tác phối hợp kiểm tra, phát hiện và xử lý vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thanh tra Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, Thanh tra viên, cán bộ, công chức, nhân viên được phân công thực hiện nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng và những tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng có hành vi vi phạm trật tự xây dựng theo quy định pháp luật.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Đội Thanh tra địa bàn quận, huyện; Đội Thanh tra cơ động; Đội Thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành là các Đội thuộc Thanh tra Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Thanh tra viên, cán bộ, công chức, nhân viên được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng gồm:

a) Thanh tra viên, công chức, nhân viên thuộc Thanh tra Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh;

b) Công chức, nhân viên thuộc Phòng Quản lý đô thị quận, huyện được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng;

c) Cán bộ quản lý xây dựng cấp xã.

3. Thông tin phản ánh các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự xây dựng là việc tố giác, báo tin của các cá nhân, tổ chức bằng hình thức điện thoại, hộp thư thoại, hộp thư điện tử, tin nhắn, tin báo trực tiếp, đơn trình báo, gửi đến các cơ quan nhà nước và các cá nhân có trách nhiệm tiếp nhận thông tin theo quy định.

Điều 4. Nguyên tắc xử lý

1. Công trình xây dựng, bộ phận công trình vi phạm trật tự xây dựng phải được phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời, triệt để theo quy định pháp luật.
2. Việc xử lý công trình vi phạm trật tự xây dựng phải đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng, đúng quy định pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và công dân cùng tham gia giám sát.
3. Mọi thông tin phản ánh về công trình vi phạm trật tự xây dựng đều phải được kiểm tra, xử lý theo quy định pháp luật.
4. Đảm bảo bí mật về thông tin cá nhân và các thông tin có liên quan đến người cung cấp thông tin về công trình vi phạm trật tự xây dựng.

Điều 5. Nguyên tắc công khai, minh bạch

1. Quyết định đình chỉ thi công, quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế phá dỡ, thông báo thời gian tổ chức cưỡng chế phải được niêm yết công khai tại công trình vi phạm và tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã.
2. Chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu tư vấn thiết kế, nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình có hành vi vi phạm pháp luật về trật tự xây dựng phải bị xử lý và công bố công khai hành vi vi phạm trên Trang tin điện tử của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.
3. Trường hợp xử lý công trình vi phạm theo thông tin phản ánh của các tổ chức hoặc cá nhân chuyển đến thì phải thông báo kết quả xử lý đến tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin để biết và cùng tham gia giám sát.

Điều 6. Nguyên tắc phối hợp

1. Quan hệ phối hợp phải đồng bộ, thống nhất, đúng quy định pháp luật, đảm bảo kịp thời trong quá trình kiểm tra, phát hiện và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về trật tự xây dựng.
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình phối hợp phải thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định.

Chương II

TỔ CHỨC TIẾP NHẬN, XỬ LÝ THÔNG TIN PHẢN ÁNH CÁC HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ TRẬT TỰ XÂY DỰNG

Điều 7. Phản ánh thông tin

Mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân khi phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự xây dựng đều có quyền phản ánh thông tin đến các cơ quan nhà nước và những người có thẩm quyền được quy định tại Điều 8 của Quy chế này, để được xác minh, xử lý theo quy định.

Điều 8. Trách nhiệm tiếp nhận thông tin phản ánh

1. Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm tiếp nhận thông tin:

- a) Ủy ban nhân dân cấp xã;
- b) Đội Thanh tra địa bàn quận, huyện;
- c) Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- d) Thanh tra Sở Xây dựng.

Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm tiếp nhận thông tin phải lập hộp thư thoại; số điện thoại đường dây nóng; hộp thư điện tử; sổ tiếp nhận thông tin tại trụ sở cơ quan, đơn vị; đồng thời, có kế hoạch tổ chức, phân công lịch trực, người trực tiếp nhận thông tin phản ánh, theo dõi và xử lý thông tin phản ánh các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự xây dựng theo quy định.

2. Các cá nhân có trách nhiệm tiếp nhận thông tin:

- a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;
- b) Đội trưởng Đội Thanh tra địa bàn quận, huyện;
- c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- d) Chánh Thanh tra Sở Xây dựng.

Các cá nhân có trách nhiệm tiếp nhận thông tin phải công bố số điện thoại cá nhân và đảm bảo liên lạc 24/24 giờ, để kịp thời tiếp nhận thông tin phản ánh các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự xây dựng và chỉ đạo xử lý theo quy định.

3. Sở Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn lập các loại sổ, biểu mẫu ghi chép quá trình tiếp nhận, xử lý thông tin; kiểm tra, xử lý công trình vi phạm để thống nhất thực hiện.

Điều 9. Trách nhiệm xử lý thông tin phản ánh

1. Ngay sau khi tiếp nhận thông tin, những cơ quan và cá nhân có trách nhiệm quy định tại Điều 8 của Quy chế này, có trách nhiệm kịp thời phân công Thanh tra viên, cán bộ, công chức, nhân viên thuộc quyền được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng kịp thời kiểm tra, xác minh, xử lý theo quy định và báo cáo kết quả trong ngày.

2. Trong trường hợp thông tin về một công trình vi phạm trật tự xây dựng được phản ánh đến nhiều cơ quan, cá nhân có trách nhiệm tiếp nhận thông tin thì thông tin phản ánh đó phải được chuyển tiếp đến người có trách nhiệm xử lý công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng theo quy định tại Điều 10 của Quy chế này. Việc chuyển tiếp thông tin phải được cập nhật vào sổ tiếp nhận thông tin để theo dõi và xử lý theo quy định.

Chương III

TRÁCH NHIỆM KIỂM TRA, PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM TRẬT TỰ XÂY DỰNG

Điều 10. Trách nhiệm kiểm tra, phát hiện và xử lý công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng

1. Thanh tra viên, cán bộ, công chức và nhân viên được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng có trách nhiệm kiểm tra, phát hiện và báo cáo kịp thời những vi phạm trật tự xây dựng thuộc địa bàn được giao nhiệm vụ quản lý hoặc có biện pháp xử lý kịp thời vi phạm trật tự xây dựng thuộc thẩm quyền.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm đơn đốc, kiểm tra, phát hiện và xử lý công trình xây dựng không có Giấy phép xây dựng, công trình xây dựng sai nội dung Giấy phép xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp.

3. Chánh Thanh tra Sở Xây dựng chịu trách nhiệm đơn đốc, kiểm tra, phát hiện và xử lý các công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng sau:

a) Công trình sai nội dung Giấy phép xây dựng hoặc sai thiết kế do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp hoặc phê duyệt.

b) Công trình sai nội dung Giấy phép xây dựng hoặc sai thiết kế do Giám đốc Sở Xây dựng cấp hoặc phê duyệt.

c) Công trình sai thiết kế do các Bộ và cơ quan ngang Bộ phê duyệt; sai nội dung Giấy phép xây dựng, sai thiết kế do các Sở chuyên ngành và Ban quản lý các Khu được Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cấp Giấy phép xây dựng hoặc phê duyệt.

Điều 11. Trách nhiệm lập biên bản vi phạm hành chính

1. Cán bộ quản lý xây dựng cấp xã lập biên bản vi phạm hành chính đối với công trình xây dựng không có Giấy phép xây dựng, công trình xây dựng sai nội dung Giấy phép xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp.

Trường hợp biên bản vi phạm hành chính về hành vi xây dựng công trình không có Giấy phép xây dựng mà việc xử phạt vượt thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thì trong thời gian 05 ngày, kể từ khi lập biên bản vi phạm hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải chuyển toàn bộ hồ sơ xử lý vi phạm đến Trưởng Phòng Quản lý đô thị để kiểm tra, rà soát và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét xử phạt theo quy định. Nếu hành vi vi phạm vượt thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thì trong thời gian 07 ngày, kể từ khi lập biên bản vi phạm hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải chuyển toàn bộ hồ sơ xử lý vi phạm đến Thanh tra Sở Xây dựng để kiểm tra, rà soát, trình Giám đốc Sở Xây dựng báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, xử phạt theo quy định. Trong trường hợp phát hiện công trình xây dựng không có Giấy phép xây

dựng mà cán bộ quản lý xây dựng cấp xã buông lỏng, không kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính thì công chức, thanh tra viên thuộc Thanh tra Sở Xây dựng lập biên bản vi phạm hành chính và tổng hợp, báo cáo Chánh Thanh tra Sở Xây dựng; Chánh Thanh tra Sở Xây dựng kiến nghị kiểm điểm làm rõ trách nhiệm và xử lý theo quy định.

2. Công chức, thanh tra viên thuộc Thanh tra Sở Xây dựng lập biên bản vi phạm hành chính đối với tất cả công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng, trừ những công trình quy định tại Khoản 1 Điều này. Khi phát hiện công trình xây dựng vi phạm thuộc trách nhiệm của công chức, thanh tra viên Thanh tra Sở Xây dựng lập biên bản vi phạm hành chính mà công chức, thanh tra viên Thanh tra Sở Xây dựng buông lỏng, không kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản gửi Chánh Thanh tra Sở Xây dựng đề nghị chỉ đạo xử lý công trình vi phạm trật tự xây dựng và kiểm điểm làm rõ trách nhiệm theo quy định.

3. Các loại biên bản xử lý vi phạm hành chính phải lập 03 bản; mỗi loại biên bản phải gửi 01 bản đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi công trình vi phạm để phối hợp kiểm tra, theo dõi; 01 bản giao cho tổ chức, cá nhân vi phạm và 01 bản gửi đến người ban hành Quyết định xử phạt.

Điều 12. Trách nhiệm đình chỉ thi công xây dựng công trình

1. Sau thời gian 24 giờ, kể từ khi lập biên bản ngừng thi công xây dựng công trình mà chủ đầu tư không ngừng thi công xây dựng để thực hiện các nội dung trong biên bản thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình, buộc chủ đầu tư thực hiện các nội dung trong biên bản ngừng thi công xây dựng.

2. Sau 48 giờ, kể từ khi lập biên bản ngừng thi công xây dựng công trình mà công trình vi phạm không ngừng thi công nhưng Ủy ban nhân dân cấp xã không kịp thời xử lý; Trưởng Phòng Quản lý đô thị quận, huyện có trách nhiệm xử lý theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ.

3. Sau 96 giờ, kể từ khi lập biên bản ngừng thi công xây dựng công trình mà công trình vi phạm không ngừng thi công nhưng Ủy ban nhân dân cấp huyện buông lỏng quản lý, không ban hành quyết định kịp thời thì Chánh Thanh tra Sở Xây dựng ban hành quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng và kiến nghị kiểm điểm làm rõ trách nhiệm, xử lý theo quy định.

4. Quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng phải được gửi kịp thời đến Chủ đầu tư; Nhà thầu thi công; Đội trưởng Đội Thanh tra địa bàn quận, huyện; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Trưởng Phòng Quản lý đô thị quận, huyện; Trưởng Công an cấp xã; Thủ trưởng các đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước để thực hiện và theo dõi, giám sát.

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận được quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng có trách nhiệm phối hợp và triển khai thực hiện theo đúng quy định.

Điều 13. Ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Trong trường hợp hành vi vi phạm trật tự xây dựng thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người, thì việc xử phạt vi phạm hành chính do người thụ lý đầu tiên thực hiện.

2. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Đối với các hành vi vi phạm hành chính vượt thẩm quyền của người xử phạt thì xử lý như sau:

a) Trưởng Phòng Quản lý đô thị quận, huyện có nhiệm vụ kiểm tra, rà soát hồ sơ xử lý vi phạm và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với những hành vi vi phạm vượt quá thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

Đối với các công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng thuộc phạm vi điều chỉnh theo quy định tại Khoản 9, Điều 13 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ; trong thời hạn không quá 04 ngày, Trưởng Phòng Quản lý đô thị phải có văn bản trả lời về điều kiện cấp Giấy phép xây dựng hoặc điều kiện điều chỉnh Giấy phép xây dựng, điều chỉnh quy hoạch, điều chỉnh thiết kế sau khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của người có thẩm quyền xử lý.

b) Chánh Thanh tra Sở Xây dựng kiểm tra, rà soát hồ sơ xử lý vi phạm, trình Giám đốc Sở Xây dựng báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị vượt quá thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 14. Trách nhiệm theo dõi, tổ chức thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Chánh Thanh tra Sở Xây dựng có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và tổ chức thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính do Chánh Thanh tra Sở Xây dựng ban hành; đồng thời, có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện theo dõi, đôn đốc và tổ chức thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành; đồng thời, tổ chức thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi, đôn đốc và tổ chức thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành.

Điều 15. Quyết định cưỡng chế và tổ chức cưỡng chế công trình vi phạm

1. Việc ban hành quyết định cưỡng chế và tổ chức cưỡng chế công trình vi phạm trật tự xây dựng phải thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục được quy định tại Nghị định số 37/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2005, Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2007, Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành và tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế tất cả các công trình xây dựng vi phạm do cán bộ quản lý xây dựng cấp xã lập biên bản vi phạm hành chính được quy định tại Khoản 1, Điều 11 của Quy chế này; đồng thời, có trách nhiệm tổ chức thực hiện các quyết định cưỡng chế do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Chánh Thanh tra Sở Xây dựng ban hành.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế đối với công trình xây dựng vi phạm mà công trình đó đã bị Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đình chỉ thi công xây dựng nhưng chưa kịp thời ban hành quyết định cưỡng chế; đồng thời, có trách nhiệm tổ chức thực hiện các quyết định cưỡng chế do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

4. Chánh Thanh tra Sở Xây dựng ban hành quyết định cưỡng chế đối với các công trình xây dựng vi phạm do Thanh tra viên, công chức thuộc Thanh tra Sở Xây dựng lập biên bản vi phạm hành chính được quy định tại khoản 2, Điều 11 của Quy chế này. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi ban hành quyết định cưỡng chế công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng, Chánh Thanh tra Sở Xây dựng phải chuyển quyết định cưỡng chế đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức thực hiện.

5. Việc lập, phê duyệt phương án phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 16. Xử lý các công trình xây dựng có sự cố về chất lượng công trình lân cận; ảnh hưởng đến môi trường, cộng đồng dân cư

Việc xử lý các công trình xây dựng có sự cố về chất lượng công trình; công trình ảnh hưởng đến chất lượng công trình lân cận; ảnh hưởng đến môi trường, cộng đồng dân cư phải tuân theo quy định tại Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2007, Nghị định số 23/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2009, Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2013, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của

Chính phủ, Thông tư số 24/2009/TT-BXD ngày 22 tháng 7 năm 2009, Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25 tháng 7 năm 2013 của Bộ Xây dựng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC KHÁC CÓ LIÊN QUAN

Điều 17. Trách nhiệm của các cơ quan phê duyệt thiết kế hoặc cấp giấy phép xây dựng

Các cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép xây dựng hoặc phê duyệt dự án có trách nhiệm gửi 01 bản sao Giấy phép xây dựng hoặc Quyết định phê duyệt dự án (không đính kèm bản vẽ) đến Thanh tra Sở Xây dựng (Đội Thanh tra địa bàn) và gửi 01 bản sao đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xây dựng công trình để có kế hoạch phối hợp kiểm tra, theo dõi.

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Xem xét tạm dừng việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại địa chỉ có công trình vi phạm trật tự xây dựng cho các cá nhân, tổ chức theo đề nghị bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Chánh Thanh tra Sở Xây dựng trong các trường hợp chưa chấm dứt hành vi vi phạm, chưa chấp hành các quyết định xử lý vi phạm hành chính và chưa thực hiện xong các biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm trật tự xây dựng gây ra.

2. Tổ chức tiếp nhận và cập nhật thông tin các cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm trật tự xây dựng từ các cơ quan có thẩm quyền về quản lý trật tự xây dựng, để xử lý công việc theo thẩm quyền.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Xem xét tạm dừng việc giao đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo đề nghị bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Chánh Thanh tra Sở Xây dựng tại các địa chỉ có công trình vi phạm trật tự xây dựng cho các cá nhân, tổ chức trong các trường hợp chưa chấm dứt hành vi vi phạm, chưa chấp hành các quyết định xử lý vi phạm hành chính và chưa thực hiện xong các biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm trật tự xây dựng gây ra.

2. Tổ chức tiếp nhận và cập nhật thông tin các cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm trật tự xây dựng từ các cơ quan có thẩm quyền về quản lý trật tự xây dựng, để xử lý công việc theo thẩm quyền.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Giao thông Vận tải

Sở Giao thông Vận tải chủ trì, chịu trách nhiệm chỉ đạo lực lượng Thanh tra chuyên ngành phối hợp chặt chẽ với lực lượng Thanh tra Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã xử lý kiến nghị các trường hợp xây dựng công trình vi phạm hành lang bảo vệ sông, kênh, rạch, đầm, hồ công cộng và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 21. Trách nhiệm của Ban quản lý các Khu trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Khi phát hiện công trình vi phạm trật tự xây dựng thuộc địa bàn được giao nhiệm vụ quản lý thì kịp thời thông báo cho Đội Thanh tra địa bàn thuộc Thanh tra Sở Xây dựng hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã để lập biên bản xử lý theo quy định tại Điều 11 của Quy chế này. Đồng thời, cử công chức, nhân viên phối hợp với Đội Thanh tra địa bàn thuộc Thanh tra Sở Xây dựng hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã trong kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm trật tự xây dựng theo quy định.

2. Tổ chức tiếp nhận và cập nhật thông tin các cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm trật tự xây dựng từ các cơ quan có thẩm quyền về quản lý trật tự xây dựng, để xử lý công việc theo thẩm quyền.

Điều 22. Trách nhiệm của Công an, cơ quan cung cấp dịch vụ điện, nước và các cơ quan khác có liên quan

1. Cơ quan Công an cấp xã có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ.

2. Các cơ quan, đơn vị thuộc Công an Thành phố có trách nhiệm

a) Phối hợp, giải quyết những kiến nghị do Chánh Thanh tra Sở Xây dựng chuyển đến và trả lời bằng văn bản về việc xử lý kiến nghị theo quy định; phối hợp với Thanh tra Sở Xây dựng thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

b) Xem xét tạm dừng việc đăng ký tạm trú, thường trú cho các cá nhân, hộ gia đình tại địa chỉ có công trình xây dựng không có Giấy phép xây dựng và bị buộc phải tháo dỡ toàn bộ công trình vi phạm theo quy định.

3. Thủ trưởng doanh nghiệp, cá nhân cung cấp dịch vụ điện, nước và các dịch vụ khác thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ và chỉ được cung cấp lại dịch vụ khi có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc của Thanh tra Sở Xây dựng về việc tổ chức, cá nhân vi phạm đã chấp hành các quyết định xử lý công trình vi phạm. Không cung cấp dịch vụ điện, nước và các dịch vụ khác đối với các công trình xây dựng vi phạm không phù hợp quy hoạch.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Chế độ giao ban

1. Định kỳ hàng tuần, Chánh Thanh tra Sở Xây dựng tổ chức giao ban với các Đội thuộc Thanh tra Sở Xây dựng về công tác xử lý vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố, để kịp thời chỉ đạo xử lý, không để phát sinh phức tạp về tình hình vi phạm trật tự xây dựng hoặc kịp thời báo cáo Giám đốc Sở Xây dựng để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo thực hiện.

2. Định kỳ hàng tháng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, tổ chức giao ban với Đội trưởng Đội Thanh tra địa bàn thuộc Thanh tra Sở Xây dựng, Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về công tác xử lý vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn.

Điều 24. Kiểm tra việc chấp hành nhiệm vụ, công vụ trong công tác quản lý trật tự xây dựng

1. Chánh Thanh tra Sở xây dựng có trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất việc chấp hành nhiệm vụ, công vụ của Thanh tra viên, công chức, nhân viên thuộc Thanh tra Sở Xây dựng.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất việc chấp hành nhiệm vụ, công vụ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phụ trách đô thị.

3. Trưởng Phòng Quản lý đô thị quận, huyện có trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất việc chấp hành nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, nhân viên thuộc quyền được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng của Phòng Quản lý đô thị quận, huyện.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất việc chấp hành nhiệm vụ, công vụ của cán bộ quản lý xây dựng cấp xã.

Điều 25. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo

Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo phát sinh trong quá trình xử lý công trình vi phạm trật tự xây dựng được thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 26. Khen thưởng

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác xử lý công trình vi phạm trật tự xây dựng; nghiêm minh, trung thực trong thi hành công vụ; kiên quyết đấu tranh với các hành vi vi phạm, tiêu cực; tùy theo thành tích sẽ được biểu dương, khen thưởng theo quy định.

2. Những cá nhân, tổ chức cung cấp thông tin chính xác, tích cực phối hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý công trình vi phạm trật tự xây dựng được biểu dương, khen thưởng theo quy định.

3. Tùy theo thành tích, Chủ tịch Ủy ban nhân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định tặng Giấy khen và kèm theo tiền thưởng cho các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này theo quy định.

4. Chánh Thanh tra Sở Xây dựng tham mưu Giám đốc Sở Xây dựng báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có hình thức khen thưởng kịp thời cho các trường hợp được quy định tại Khoản 1, 2 Điều này khi có thành tích xuất sắc trong công tác phát hiện, xử lý công trình vi phạm trật tự xây dựng.

Điều 27. Kỷ luật

1. Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm trật tự xây dựng, Thanh tra viên, cán bộ, công chức, nhân viên được giao nhiệm vụ kiểm tra, xử lý vi phạm trật tự xây dựng, nếu vi phạm một trong những nội dung sau đây thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xem xét, kỷ luật theo quy định pháp luật:

a) Không xử lý hoặc xử lý không kịp thời đối với các thông tin phản ánh về công trình vi phạm trật tự xây dựng, để xảy ra hậu quả nghiêm trọng;

b) Không phát hiện kịp thời các công trình vi phạm trật tự xây dựng để xảy ra hậu quả nghiêm trọng;

c) Không phối hợp hoặc thiếu trách nhiệm trong công tác phối hợp xử lý công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng để xảy ra hậu quả nghiêm trọng;

d) Không thực hiện, thực hiện không kịp thời hoặc dung túng, tiếp tay cho hành vi vi phạm để công trình tiếp tục xây dựng;

e) Không thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Quy chế này;

f) Những hành vi vi phạm khác theo quy định pháp luật.

2. Xử lý kỷ luật

a) Người có hành vi vi phạm, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định.

b) Trình tự, thủ tục và thẩm quyền xử lý kỷ luật cán bộ được thực hiện theo quy định.

c) Người đứng đầu doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện, nước và Thủ trưởng cơ quan, cá nhân khác có liên quan, nếu không thực hiện, thực hiện không kịp thời hoặc dung túng, bao che hành vi vi phạm xây dựng thì bị kiểm điểm, xử lý theo quy định.

Điều 28. Trách nhiệm triển khai công tác tuyên truyền pháp luật và thực hiện Quy chế

1. Hội đồng phối hợp, phổ biến, giáo dục pháp luật Thành phố tăng cường tuyên truyền, giáo dục, vận động các cá nhân, tổ chức và cơ quan chấp hành quy định pháp luật về xây dựng.

2. Chánh Thanh tra Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức có liên quan có trách nhiệm phổ biến, tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này đến tất cả Thanh tra viên, cán bộ, công chức, nhân viên, người lao động trong phạm vi quản lý của mình.

Điều 29. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Xây dựng, đề tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Tín